

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 27 - 3 - 2019
V/v ly hôn giữa chị L, anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diệu và ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mai L, sinh năm 1992 “có mặt”.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn Tranh X, xã Đồng T, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Duy S, sinh năm 1985 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn A, xã An T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Mai L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Duy S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An T, huyện Quỳnh Phụ vào ngày 31/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 03 ngày thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S bắt chị vào miền Nam sinh sống với anh S, do anh S không có nghề nghiệp nên chị đã không cùng anh S vào miền Nam sinh sống với anh S. Chị và anh S sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh S có đến gia đình và nơi làm việc của chị để gây sự với chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S. Về việc anh S trình bày tại phiên hòa giải không đồng ý ly hôn, quan điểm của chị là vẫn đề nghị ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị và anh S tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2019 và tại phiên tòa bị đơn Trần Duy S trình bày:

Về hôn nhân: anh S xác nhận lời khai của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Chúng tôi tổ chức đám cưới vào ngày 06/8/2018 (âm lịch), chị L đi làm tại Bệnh viện Đa khoa huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thì tự nhiên bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tranh Xuyên, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Từ khi cưới, tổng cộng chị L đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ 3 lần mà không xin phép anh và gia đình. Anh và chị L đã sống ly thân từ ngày 22/8/2018 (âm lịch) cho đến nay. Anh S đã S nhà mẹ đẻ chị L 05 lần để gặp chị L nói chuyện nhưng chị L cố tình tránh mặt, anh gọi điện thoại thì chị L không nghe máy. Nay chị L làm đơn khởi kiện ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu chị L quyết tâm ly hôn, anh S yêu cầu chị L và gia đình trả lại lễ vật dạm ngõ (gồm 5 tráp bánh kẹo, hoa quả và 02 lễ đen trị giá 3.000.000 đồng) và lễ xin dâu. Khi trả lễ, anh yêu cầu gia đình chị L phải cử 07 người lớn tuổi S nói chuyện cùng 07 tráp lễ vật cho gia đình anh để xin chị L về. Anh S yêu cầu chị L bồi thường số tiền 100.000.000 đồng chi phí về việc tổ chức lễ cưới sau đó anh mới chấp nhận ly hôn chị L. Số tiền 100.000.000 đồng anh S xác định không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là đền bù về tổn thất cho gia đình anh đã chi phí về việc cưới, hỏi chị L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Các đương sự thống nhất:

Về con chung: Chị L, anh S không có con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị L, anh S không thống nhất được về quan hệ hôn nhân. Chị L quyết tâm ly hôn với anh S. Anh S không đồng ý ly hôn với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; *Về nội dung vụ án:* Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Vũ Thị Mai L ly hôn anh Trần Duy S; Về con chung, chia tài sản: không có không xem xét giải quyết; Về yêu cầu bồi thường của anh S không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Vũ Thị Mai L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Duy S, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Vũ Thị Mai L kết hôn với anh Trần Duy S tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 31 tháng 7 năm 2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến kinh tế không đảm bảo cuộc sống. Chị L và anh S đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Xét thấy chị L và anh S đã, đang sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị L được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc anh S yêu cầu chị L và gia đình trả lại lễ vật dạm ngõ (gồm 5 tráp bánh kẹo, hoa quả và 02 lễ đen trị giá 3 triệu đồng) và lễ xin dâu. Khi trả lễ, anh yêu cầu 07 người lớn tuổi S nói chuyện cùng 07 tráp lễ vật cho gia đình anh để xin chị L về và yêu cầu chị L phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng về việc

tổ chức lễ cưới, thì anh mới chấp nhận ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị L và anh S khi tổ chức đám cưới. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không chấp nhận yêu cầu của anh S và anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và không phù hợp với quy định của pháp luật cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh S.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh S đều trình bày không có con chung;

[5] *Về chia tài sản*: Chị L và anh S đều trình bày không có tài sản chung cho nên không đặt ra giải quyết;

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đúng với diễn biến tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Mai L và anh Trần Duy S.

2. *Về nuôi con chung*: không có;

3. *Về chia tài sản*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số 0003837 ngày 12-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Chị L đã nộp đủ).

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị Mai L, anh Trần Duy S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã An T;
- UBND xã Đồng Tâm;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng

